Phụ lục VI

BẢNG GIÁ ĐẤT CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ

(Dự thảo các khu tái định cư sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên khu tái định cư	Giá đất
	Phường Biên Hòa	
1	Khu tái định cư 4,20 ha (phường Tân Hạnh)	
	Đường Phạm Văn Diêu	15.200
	Các đường còn lại	10.600
2	Khu tái định cư 2,10 ha phường Tân Hạnh	
	Các đường trong Khu tái định cư 2,10 ha phường Tân Hạnh (cũ)	10.600
3	Khu dân cư Tân Hạnh 01 ha	
	Các đường trong Khu dân cư Tân Hạnh 1 ha	10.600
4	Khu dân cư 01 ha phường Hóa An (cũ)	
	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đường vào Mỏ đá BBCC (cũ))	16.500
	Các đường còn lại	11.600
5	Khu tái định cư Phước Hữu (phường Bửu Hòa cũ)	
	Các đường trong Khu tái định cư Phước Hữu	17.600
6	Khu Tái định cư phường Bửu Hòa (cũ) 1,8 ha	
	Các đường trong Khu tái định cư	17.600
	Phường Trấn Biên	
1	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 21 (nối khu tái định cư khu F với Khu dân cư Đình Tân Lại) (phường Bửu Long (cũ))	
	Đường N4 (từ đường Nguyễn Du đến đường D5 (khu dân cư Bửu Long)	23100
	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến hết Văn Miếu Trấn Biên)	23100
	Đường D2 (phường Bửu Long (cũ))	23.100
	Đường N12 (phường Bửu Long (cũ))	23.100
	Các đường còn lại	16.200
2	Khu tái định cư phường Bửu Long (cũ)	
	Đường D2 (phường Bửu Long (cũ))	23.100
	Đường N12 (phường Bửu Long (cũ))	23.100
	Các đường còn lại	16.200
3	Khu dân cư phục vụ tái định cư KP1 phường Bửu Long (cũ)	
	Các đường trong Khu dân cư phục vụ tái định cư KP1 phường Bửu Long (cũ)	16.200
4	Hạ tầng khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,3 ha tại phường Bửu Long (cũ)	
	Đường 10 (từ đường Huỳnh Văn Nghệ đến bến đò trạm 1)	23.100
	Các đường còn lại	16.200
5	Khu tái định cư 3,2 ha phường Bửu Long (cũ)	
	Các đường trong Khu tái định cư 3,2 ha phường Bửu Long (cũ)	16.200
6	Khu tái định cư phường Bửu Long (cũ)	
	Đường D2 (phường Bửu Long (cũ))	23.100
	Đường N12 (phường Bửu Long (cũ))	23.100
	Các đường còn lại	16.200
7	Khu tái định cư phường Quang Vinh (cũ)	
	Đường Đông Tây 3 (phường Quang Vinh (cũ))	21.300
	Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ)	23.300

	Các đường còn lại	16.200
8	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai (cũ)	
	Đường Phạm Văn Thuận (Từ đường 30 tháng 4 đến hết ranh giới phường Trấn Biên)	44.400
	Các đường còn lại	31.100
9	Khu dân cư An Bình mở rộng (công ty Sonadezi)	
	Đường Trần Thị Hoa	19.000
	Các đường còn lại	13.300
10	Khu dân cư An Hòa 2 (phường An Bình (cũ))	
	Đường Trần Thị Hoa	19.000
	Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình)	20.300
	Các đường còn lại	13.300
11	Khu tái định cư Khu phố Nhị Hòa (phường Hiệp Hòa (cũ))	
	Đường Đỗ Văn Thi, đoạn từ đường Đặng Đại Độ đến đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa cũ	23.700
	Các đường còn lại	16.600
12	Khu tái định cư 0,16 ha phường Hiệp Hòa (cũ)	
	Đường Đặng Văn Trơn, Đoạn từ đường Đỗ Văn Thi đến đường rẽ lên cầu Bửu Hòa	24.900
	Các đường còn lại	17.400
13	Khu tái định cư phường An Bình (cũ) (Ajinomoto)	
	Các đường trong Khu tái định cư phường An Bình (cũ) (Ajinomoto)	13.300
	Phường Tam Hiệp	
1	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai (cũ)	
	Đường Phạm Văn Thuận	44.400
	Các đường còn lại	31.100
2	Khu tái định cư số 91 (Ban Quản lý Dự án) (phường Tam Hiệp)	
	Các đường trong Khu tái định cư số 91 (Ban Quản lý Dự án)	31.100
3	Khu dân cư và tái định cư số 55 (xây dựng hạ tầng) (phường Tân Hiệp (cũ))	
	Đường Phạm Thị Nghĩa vào khu tái định cư Tân Hiệp	25.400
	Các đường còn lại	17.800
	Phường Long Bình	
1	Khu tái định cư 1 ha phường Tân Biên	
	Đường vào nhà máy nước Thiện Tân (nối từ đường vào khu tái định cư Tân Biên đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái)	14.200
	Các đường còn lại	9.900
2	Khu tái định cư Hố Nai	
	Các đường trong Khu tái định cư Hố Nai	22.700
3	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Tân Biên (cũ)	
	Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đến hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái)	14.200
	Các đường còn lại	11.800
4	Khu Tái định cư Long Bình	
	Các đường trong Khu Tái định cư Long Bình	18.500
5	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 54 (phường Tân Biên (cũ))	
	Các đường trong Khu dân cư phục vụ tái định cư số 54	18.500

6	Khu dân cư, tái định cư phường Long Bình (Công ty 28 - Bộ Quốc phòng)	
	Đường Hoàng Tam Kỳ (từ đường Bùi Văn Hòa đến hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 về bên trái, phường Long Bình)	23.700
	Các đường còn lại	16.600
	Phường Trảng Dài	
1	Khu dân cư Phú Gia (phường Trảng Dài)	
	Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến đường Bùi Trọng Nghĩa	17.900
	Các đường còn lại	12.500
	Phường Long Hưng	
1	Khu tái định cư Khu phố Bình Dương (phường Long Bình Tân (cũ))	
	Đường Châu Văn Lồng (từ Quốc lộ 51 đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 về bên trái)	16.600
	Các đường còn lại	11.600
2	Khu tái định cư Long Hưng	
	Các đường trong Khu tái định cư Long Hưng	7.600
3	Khu tái định cư số 39 (khóm 3) (phường Long Bình Tân (cũ))	
	Các đường trong Khu tái định cư số 39 (khóm 3)	19.200
4	Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh doanh (phường Long Bình Tân (cũ))	
	Các đường trong Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh doanh	16.800
5	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch Sơn Tiên (phường An Hòa (cũ))	
	Các đường trong Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch Sơn Tiên	19.200
6	Khu tái định cư phường An Hòa (cũ)	
	Quốc lộ 51	27.200
	Các đường còn lại	18.900
	Phường Tân Triều	
1	Khu tái định cư Tân Phong 1	
	Các đường trong Khu tái định cư Tân Phong 1	8.400
2	Khu tái định cư Tân Phong	
	Đường Lương Văn Nho, Đoạn từ đường vào cư xá Tỉnh đội đến ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa	21.600
	Các đường còn lại	15.100
3	Khu Tái định cư ấp Thới Sơn (xã Bình Hòa (cũ))	
	Các đường trong Khu Tái định cư ấp Thới Sơn	5.500
4	Khu tái định cư ấp 5 (xã Thạnh Phú cũ)	
	Các đường trong Khu tái định cư ấp 5	5.900
5	Khu dân cư, tái định cư Miền Đông (xã Thạnh Phú cũ)	
	Các đường trong Khu dân cư, tái định cư Miền Đông	5.900
6	Khu tái định cư xã Bình Lợi (cũ)	
	Các đường trong khu tái định cư xã Bình Lợi (cũ)	5.500
	Phường Phước Tân	
1	Khu tái định cư Quốc lộ 1A (phường Phước Tân)	
	Các đường trong Khu tái định cư Quốc lộ 1A	14.300
2	Khu dân cư và tái định cư số 44 (phường Phước Tân)	
	Quốc lộ 51, đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến cầu sông Buông	16600

	Các đường còn lại	11.600
1	Khu tái định cư phường Phước Tân	
	Đường số 2	12.000
	Đường số 12	11.600
	Đường số D2	11.600
	Các đường còn lại	9.500
	Phường Tam Phước	
1	Khu tái định cư Tam Phước phục vụ tái định cư cho KCN Tam Phước 15ha	
	Các đường trong Khu tái định cư Tam Phước phục vụ tái định cư cho KCN Tam Phước 15ha	8.400
2	Khu dân cư, tái định cư phường Tam Phước	
	Đường Hà Nam (từ Quốc lộ 51 đến hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82 về bên phải và hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 về bên trái, phường Tam Phước)	5.500
	Các đường còn lại	3.900
2	Khu tái định cư phường Tam Phước	
	ĐT. 771	5.500
	ĐT.777B (Chất thải rắn)	5.500
	Đươờng N3	5.500
	Đươờng D16	5.500
	Các đường còn lại	3.900
	Phường Long Thành	
1	Khu tái định cư Liên Kim Sơn (thị trấn Long Thành (cũ))	
	Đường Huỳnh Văn Lũy (từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Quang Khải)	7.400
	Đường Nguyễn Văn Ký	7.400
	Các đường còn lại	5.200
2	Khu tái định cư Long An	
	Đường Bưng Môn qua xã Long An (cũ) (từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769)	7.200
	Các đường còn lại	5.100
3	Khu tái định cư An Thuận (xã Long An (cũ))	
	Các đường trong Khu tái định cư An Thuận	6.000
4	Khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An - Bình Sơn (cũ)	
	Các đường: N19, N23, N39, D1, D16, D18	10.200
	Các đường: N7, N 47, N54, D2, D10, D22	8.400
	Các tuyến đường còn lại	6.700

5	Tái định cư thị trấn Long Thành (cũ)	
	Đường Hoàng Minh Châu	7.600
	Các đường còn lại	5.300
6	Tái định cư Lâm Trường (thị trấn Long Thành (cũ))	
	Đường Nguyễn Đình Chiểu (từ đường Lê Duẩn đến đường Trường Chinh)	19.500
	Các đường còn lại	13.700
7	Tái định cư Trung tâm khuyến nông	
	Đường Lê Duẩn (đoạn từ giáp ranh xã An Phước đến đường Trần Phú)	23.100
	Các đường còn lại	13.500
8	Tái định cư Trung tâm dịch vụ Công ích	
	Đường Võ Văn Tần	14.700
	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	16.800
	Các đường còn lại	13.500
9	Tái định cư 47ha	9.800
	Các đường trong khu tái định cư	
10	Khu tái định cư thị trấn Long Thành (cũ) (khu đất Hội cựu chiến binh huyện (cũ))	
	Đường Lê Duẩn (đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lý Tự Trọng)	28.600
	Đường Nguyễn Văn Cừ	15.400
11	Khu dân cư, tái định cư thuộc dự án Khu Trung tâm hành chính xã Bình Sơn (cũ)	
	Các đường trong khu tái định cư	6.700
	Xã Bình An	
1	Khu tái định cư Long Đức	
	Đường liên xã Bình An – Long Thành	7.000
	Đường QH-D9	5.500
	Các đường còn lại	4.900
	Xã An Phước	
1	Khu tái định cư An Phước (Xuân An)	
	Các đường trong Khu tái định cư An Phước (Xuân An)	6.900
2	Khu tái định cư Tam An	
	Các đường trong Khu tái định cư Tam An	3.200
	Xã Long Phước	
	Khu tái định cư Long Phước	
	Các đường trong Khu tái định cư Long Phước	5.200
	Xã Phước Thái	
1	Khu tái định cư Phước Bình	
	Đường vào UBND xã Phước Bình (cũ) (Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái)	7.100
	Các đường còn lại	5.000
2	Khu tái định cư Tân Hiệp	
	Đường vào UBND xã Phước Bình (cũ) (Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái)	7.100
	Các đường còn lại	5.000
3	Khu tái định cư Tân Hiệp mở rộng	
	Đường vào UBND xã Phước Bình (cũ) (Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái)	7.100

	Các đường còn lại	5.000
	Phường Nhơn Trạch	
1	Khu tái định cư Phú Hội	
	Đường Cây Dầu (từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Lý Thái Tổ)	5.400
	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) (Đoạn từ đường vào đình Phú Mỹ 2 (Phú Hội) đến hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội)	7.900
	Các đường còn lại	4.700
2	Khu tái định cư Phước Thiền	
	Đường vào khu tái định cư Phước Thiền (xã Phước Thiền (cũ)), từ đường Lý Thái Tổ đến hết khu Tái định cư Phước Thiền	7.000
	Các đường còn lại	4.900
3	Khu tái định cư Hiệp Phước 3	
	Đường Huỳnh Văn Nghệ (Từ đường Tôn Đức Thắng đến hết thửa đất số 346, tờ bản đồ số 237)	9.100
	Các đường còn lại	6.300
4	Khu dân cư, tái định cư Hiệp Phước 2	
	Đường Huỳnh Văn Nghệ (Từ đường Tôn Đức Thắng đến hết thửa đất số 346, tờ bản đồ số 237)	9.100
	Các đường còn lại	6.300
5	Khu tái định cư Hiệp Phước 1	
	Đường Tôn Đức Thắng (Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú)	14.600
	Các đường còn lại	10.200
	Xã Đại Phước	
1	Khu dân cư, tái định cư Đại Lộc 1 và 2 (xã Đại Phước)	
	Các đường còn lại	9.500
2	Khu tái định cư Phước Khánh	
	Đường vào khu tái định cư Phước Khánh (từ đường Phạm Thái Bường đến hết khu tái định cư Phước Khánh)	5.700
	Các đường còn lại	4.500
3	Khu tái định cư Phú Đông (Công ty Cổ phần Đầu tư Sen Việt Công Thương làm chủ đầu tư)	
	Các đường của Khu tái định cư Phú Đông	4.000
	Xã Phước An	
1	Khu dân cư, tái định cư Phước An 2 (Công ty HUD bàn giao cho UBND huyện Nhơn Trạch (cũ) quản lý và sử dụng)	
	Đường Nguyễn Văn Cừ	8.500
	Đường Lê Hồng Phong (từ đường Nguyễn Thị Chơn đến đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch)	6.500
	Các đường còn lại	4.500
2	Khu dân cư, tái định cư Phước An 3 (Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư)	
	Đường Nguyễn Văn Cừ	8.500
	Các đường còn lại	4.500
3	Khu tái định cư Long Thọ	
	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) (Đoạn từ ranh giới xã Nhơn Trạch đến cửa hành xăng dầu An Phú)	9.800
	Các đường còn lại	6.800
4	Khu tái định cư Phước An 1	
	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) (Đoạn từ cửa hàng xăng dầu An Phú đến đường Nguyễn Hữu Cảnh)	9.000
	Các đường còn lại	6.300
	Phường Bảo Vinh	

1	Khu tái định cư phường Bảo Vinh	
	Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B – Suối Chồn)	2.600
	Đường Nguyễn Trung Trực	3.700
	Các đường còn lại	2.100
	Phường Hàng Gòn	
1	Khu tái định cư phường Xuân Tân (cũ)	
	Các đường trong Khu tái định cư phường Xuân Tân (cũ)	1.200
	Phường Xuân Lộc	
1	Khu tái định cư thị trấn Gia Ray (cũ) (phục vụ dự án cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây)	
	Đường Nguyễn Văn Linh (Đường số 21 đoạn qua Khu tái định cư thị trấn Gia Ray (cũ))	2.800
	Các đường còn lại	2.300
2	Khu tái định cư thị trấn Gia Ray (cũ)	
	Đường Phan Văn Trị (Từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3)	3.000
	Đường số 4	2.300
	Các đường còn lại	2.200
3	Khu tái định cư xã Xuân Hiệp (cũ)	
	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến (từ Quốc lộ 1 đến hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc)	1.400
	Đường vào Trạm y tế (xã Xuân Hiệp (cũ)), từ Quốc lộ 1 đến ranh hồ Gia Măng	1.400
	Các đường còn lại	990
	Xã Xuân Hòa	
1	Khu tái định cư Xuân Tâm trường bắn Quốc gia khu vực III	
	Các đường trong Khu tái định cư Xuân Tâm trường bắn Quốc gia khu vực III	1.200
	Xã Xuân Bắc	
1	Khu tái định cư ấp 2, xã Suối Nho (cũ)	
	Các đường trong Khu tái định cư ấp 2, xã Suối Nho (cũ)	2.200
	Xã Cẩm Mỹ	
1	Khu dân cư và tái định cư xã Nhân Nghĩa (cũ)	
	Các đường trong Khu dân cư và tái định cư xã Nhân Nghĩa (cũ)	2.500
	Xã Xuân Quế	
1	Khu dân cư có bố trí tái định cư Xuân Quế	
	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn (đoạn từ đầu khu tái định cư xã Xuân Quế đến đường cầu Đỏ - Suối Sâu)	2.100
	Các đường còn lại	1.500
	Xã Sông Ray	
1	Khu tái định cư tại xã Lâm San (cũ)	
	Các đường trong khu tái định cư tại xã Lâm San (cũ)	1.600
	Phường Trảng Bom	
1	Khu dân cư và tái định cư 5,3 ha thị trấn Trảng Bom (cũ)	
	Đường An Dương Vương (từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền)	9.800
	Đường Hai Bà Trưng (từ đường Ngô Quyền đến đường An Dương Vương)	8.400
	Đương Lý Thái Tổ	9.100
	Đường Lý Nam Đế	9.100
	Đường 30 tháng 4 từ Quốc lộ 1 đến đường An Dương Vương	15.300
	Các đường còn lại	5.000

2	Khu tái định cư 4,7 ha thị trấn Trảng Bom (cũ)	
	Đường An Dương Vương (từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền)	9.800
	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha))	9.800
	Đường Hùng Vương (Đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Ngô Quyền)	15.300
	Đường Lê Đại Hành (Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Lý Nam Đế)	9.100
	Đường Lý Nam Đế	9.100
	Đường Trần Nhật Duật (từ đường Hùng Vương đến hết ranh thửa đất số 562, tờ BĐĐC số 15 về bên phải và hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 về bên trái, thị trấn Trảng Bom (cũ))	5.000
	Các đường còn lại	4.500
3	Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cảnh (thị trấn Trảng Bom (cũ))	
	Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành)	13.900
	Đường Trương Định (từ đường Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Huệ)	5.000
	Đường Trương Định (từ đường Lê Quý Đôn đến Quốc lộ 1)	5.000
	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	5.600
	Đường Nội bộ Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cảnh	5.000
	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Quốc lộ 1)	11.100
	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền và đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Tri Phương)	11.100
4	Khu dân cư số 1 (thị trấn Trảng Bom (cũ))	
	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ trụ sở Hội người mù đến đường Nguyễn Huệ)	15.300
	Đường Nguyễn Văn Linh	11.800
	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền và đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh)	11.100
	Đường Lê Quý Đôn	5.000
	Đường Trương Định (từ đường Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Huệ)	5.000
	Các đường còn lại	4.500
5	Khu tái định cư Lò Gạch (thị trấn Trảng Bom (cũ))	
	Đường Ngô Quyền	10.400
	Các đường còn lại	5.300
	Xã Bình Minh	
1	Khu tái định cư phục vụ Quốc lộ 1A-đoạn tránh thành phố Biên Hòa (cũ), xã Bình Minh	
	Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp thuộc xã Bình Minh (qua khu tái định cư Bình Minh), từ thửa đất số 456, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh đến thửa đất số 1154, tờ BĐĐC số 29, xã Bình Minh	7.500
	Đường trục chính khu tái định cư Bình Minh	5.600
	Các đường còn lại	5.300
2	Khu tái định cư Hố Nai	
	Các đường trong Khu tái định cư Hố Nai	2.500
3	Khu tái định cư 2,5 và 3,5 ha Bắc Sơn	
	Đường tỉnh 767 (Đoạn từ ngã 3 Hươu Nai đến Trường Tiểu học Sông Mây)	10.900
	Các đường còn lại	7.700
	Xã Hưng Thịnh	
1	Khu dân cư Tây Hòa	
	Đường liên xã Hưng Thịnh - Trảng Bom (từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư ấp An Hoà đến Cầu 1 tấn)	4.200
	Các đường còn lại	2.100

	Phường Dầu Giây	
1	Khu tái định cư Bàu Hàm 2 (thị trấn Dầu Giây (cũ))	
	Các đường trong Khu tái định cư Bàu Hàm 2	2.800
2	Khu dân cư Xóm Hố (các xã Hưng lộc, Bàu Hàm 2 (cũ))	
	Các đường trong Khu dân cư Xóm Hố	4.700
3	Khu tái định cư Thị Trấn Dầu Giây (cũ)	
	Các đường trong Khu tái định cư Thị Trấn Dầu Giây (cũ)	4.700
4	Khu tái định cư giai đoạn 2 xã Hưng Lộc (cũ)	
	Các đường trong Khu tái định cư giai đoạn 2 xã Hưng Lộc (cũ)	2.800
5	Khu dân cư phục vụ tái định cư xã Hưng Lộc (cũ)	
	Các đường trong Khu dân cư phục vụ tái định cư xã Hưng Lộc (cũ)	2.800
	Xã Thống Nhất	
1	Khu tái định cư xã Phú Túc (cũ)	
	Các đường trong Khu tái định cư xã Phú Túc (cũ)	3.200
	Xã Định Quán	
1	Khu Tái định cư Đồi Nancy (thị trấn Định Quán (cũ))	
	Các đường trong Khu Tái định cư Đồi Nancy	1.000
2	Khu tái định cư - Đường Lý Thái Tổ (thị trấn Định Quán (cũ))	
	Các đường trong Khu tái định cư - Đường Lý Thái Tổ	630
3	Khu tái định cư Lò Gạch (thị trấn Định Quán (cũ))	
	Các đường trong Khu tái định cư Lò Gạch	540
4	Khu dân cư bệnh viện cũ (thị trấn Định Quán (cũ))	
	Đường Trịnh Hoài Đức, từ đường 17/3 đến đường Gia Canh	1.600
	Các đường còn lại	1.100
5	Khu tái định cư 1 và Khu tái định cư 2, thị trấn Định Quán (cũ)	
	Đường Ngô Quyền	
-	Đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường Trần Hưng Đạo	4.400
-	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Cách Mạng Tháng 8	2.800
	Đường Trần Hưng Đạo	
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Ngô Quyền	3.600
-	Đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Cách Mạng Tháng 8	3.500
	Đường 3 Tháng 2	
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Ngô Quyền	4.000
-	Đường Chu Văn An	2.600
	Đường Lương Thế Vinh	2.200
	Đường Ngô Thời Nhiệm	2.200
	Đường Mạc Đĩnh Chi	2.200
	Đường Nguyễn Du	2.200
	Đường Lý Thường Kiệt	2.200
	Đường Trần Nhân Tông, đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐ số 7, thị trấn Định Quán (cũ)	2.600
	Các đường còn lại	2.000
6	Khu tái định cư xã Gia Canh (cũ)	
	Đường Gia Canh, đoạn còn lại, từ Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 270 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐĐC số 284 về bên phải)	1.000
	Các đường còn lại	700

	Xã Phú Vinh	
1	Khu tái định cư xã Phú Tân (cũ)	
	Đường 120 (xã Phú Tân (cũ))	550
	Các đường còn lại	390
2	Khu tái định cư xã Phú Tân (cũ)	
	Đường 120 (xã Phú Tân (cũ))	550
	Các đường còn lại	390
	Xã La Ngà	
1	Khu định canh định cư	
	Các đường trong Khu tái định cư, xã La Ngà	350
2	Khu tái định cư đô thị La Ngà	
	Đường 101B (xã La Ngà), từ đường 101B đến đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà	780
	Các đường còn lại	550
3	Khu tái định cư L16, xã Túc Trưng (cũ)	
	Đường 2A	1.900
	Đường 4A	1.900
	Các đường còn lại	1.300
4	Khu A1, xã Túc Trưng (cũ)	
	Đường 2A	1.900
	Các đường còn lại	1.300
5	Khu A3, xã Túc Trưng (cũ)	
	Đường 2A	1.900
	Các đường còn lại	1.300
6	Khu tái định cư L9, xã Túc Trưng (cũ)	
	Đường 4A	1.900
	Các đường còn lại	1.300
	Xã Phú Hòa	
1	Khu tái định cư ấp 3	
	Các đường trong Khu tái định cư	1.500
	Xã Thanh Sơn	
1	Khu tái định cư trung tâm xã Thanh Sơn	
	Các đường trong Khu tái định cư trung tâm xã Thanh Sơn	430
2	Khu tái định cư Làng Cá Bè (xã Thanh Sơn)	
	Các đường trong Khu tái định cư Làng Cá Bè	120
	Phường Tân Phú	
1	Khu tái định cư (9,7ha) (thị trấn Tân Phú (cũ))	
	Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha (từ đường Phạm Ngọc Thạch đến Nguyễn Du)	1.600
	Đường Hùng Vương (từ đường Phạm Ngọc Thạch đến Nguyễn Du)	2.600
	Đường Phạm Ngọc Thạch (từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 2 về bên phải và hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 về bên trái, thị trấn Tân Phú (cũ))	2.900
	Đường Nguyễn Du (Nguyễn Tất Thành đến hết ranh thửa đất số 113 tờ BĐĐC số 3 về bên trái và hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 3 về bên phải)	3.300
2	Khu tái định cư (15 ha) (thị trấn Tân Phú (cũ))	
	Đường Hùng Vương (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Thường Kiệt trong khu tái định cư)	2.600

	Đường Nguyễn Tri Phương (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Thường Kiệt trong khu tái định cư)	2.600
	Đường Nguyễn Chí Thanh (từ đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành trong khu tái định cư)	3.300
	Đường Lý Thường Kiệt (từ đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành trong khu tái định cư)	3.300
	Đường Lê Đại Hành (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Thường Kiệt trong khu tái định cư)	2.600
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8	1.600
	Đường N4, N5, N12, N13	1.600
	Đường N1, N2, N3, N6, N7, N8, N9, N10, N14, N15, N16	1.600
	Các đường còn lại	1.600
	Phường Trị An	
1	Khu định cư khu phố 8 (thị trấn Vĩnh An (cũ))	
	Đường Phan Chu Trinh (ĐT 768), đoạn từ đường Quang Trung đến ngã ba Điện lực	3.600
	Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) (Đoạn từ ngã tư Đập Tràn đến cổng Công ty Thủy điện Trị An)	4.100
	Các đường còn lại	2.100
2	Khu tái định cư (cũ) (xã Trị An)	
	Đường Xóm Mới ấp 3	880
	Các đường trong Khu tái định cư	620
3	Khu tái định cư ((cũ) (mở rộng))(xã Trị An)	
	Đường Xóm Mới ấp 3	880
	Các đường còn lại	620
4	Khu định cư khu phố 1 (thị trấn Vĩnh An (cũ))	
	Đường Lê Duẩn	2.600
	Các đường còn lại	1.500
	Xã Tân An	
1	Khu định cư 0,87 ha (xã Tân An)	
	Đường Cộ - Cây Xoài (Đoạn từ Đường tỉnh 768 đến hết khu tái định cư 3,8 ha xã Tân An)	2.800
2	Khu định cư 3,8 ha (xã Tân An)	
	Đường Cộ - Cây Xoài (Đoạn từ Đường tỉnh 768 đến hết khu tái định cư 3,8 ha xã Tân An)	2.800
	Các đường còn lại	2.000
	Xã Phú Lý	
1	Khu định cư xã Phú Lý	
	Các đường trong Khu định cư xã Phú Lý	550
	Phường Bình Phước	
1	Cụm tái định cư huyện đội Đồng Phú (cũ)	
	Đường quy hoạch số 13 thuộc cụm tái định cư huyện đội Đồng Phú (cũ)	12.000
	Đường còn lại thuộc cụm tái định cư huyện đội Đồng Phú (cũ) đã được đầu tư mặt đường nhựa	8.800
2	Khu dân cư Tiến Hưng (khu tái định cư)	
	Đường D2	5.000
	Các tuyến đường còn lại trong khu tái định cư Tiến Hưng	4.500
	Phường Chơn Thành	
1	Khu tái định cư 12,4 ha	

	Đường D2	3.000
	Đường N9	2.500
	Đường D8M, D9M, D8	2.300
	Các tuyến đường còn lại thuộc khu tái định cư	2.000
	Xã Nha Bích	
1	Khu tái định cư 80ha - Ấp 6 - Xã Nha Bích	
	Đường D6 (Trục chính - Đường nhựa)	1.000
	Đường D3 và đường D8 (Trục chính - Đường sỏi đỏ)	800
	Các đường đất còn lại trong khu tái định cư	600
2	Khu tái định cư 10ha - Ấp Suối Ngang - Xã Nha Bích	
	Đường D1 (Đường nhựa)	1.200
	Các đường đất còn lại trong khu tái định cư	700
	Phường Phước Bình	
1	Khu tái định cư Khu phố 9	
	Các tuyến đường ngang Khu tái định cư Khu phố 9 (3 nhánh)	2.300
	Xã Tân Lợi	
1	Khu tái định cư khu trung tâm hành chính (các xã cũ)	
	Các thửa đất trong khu trung tâm hành chính (các xã cũ)	900
	Xã Đồng Tâm	
1	Khu tái định cư K84C	
	Các tuyến đường trong khu tái định cư	700
2	Khu tái định cư Tân Phước (nằm trong quy hoạch Khu trung tâm hành chính xã Tân Phước cũ nay là xã Đồng Tâm)	
	Đường D8	1.800
	Các đường còn lại	1.500
3	Khu tái định cư Đồng Tâm (nằm trong quy hoạch Khu trung tâm hành chính xã Đồng Tâm)	
	Đường N4	1.500
	Đường N6, D4	1.200
	Các đường còn lại	1.000
	Xã Bù Đăng	
1	Khu tái định cư Lý Thường Kiệt	
	Đường D3 - Khu tái định cư Lý Thường Kiệt	2.000
	Đường D2 - Khu tái định cư Lý Thường Kiệt	1.700
	Các đường còn lại trong Khu tái định cư Lý Thường Kiệt	1.500
	Xã Thiện Hưng	
1	Khu tái định cư Cần Đơn	
	Các tuyến đường trong khu tái định cư	800
	Xã Hưng Phước	
1	Khu tái định cư công trình Hồ chứa nước Bù Tam	
	Các tuyến đường trong khu tái định cư	500